

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày: 24-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Truyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Văn Thủy

Ông Dương Quốc Võ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:** Ông Lê Anh Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hà Thành C sinh ngày 01/01/1982; tại tỉnh Q.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Thanh B sinh năm 1943 (chết) và bà Dương Thị S sinh năm 1948 (chết); có vợ và 02 con; tiền án: 01 lần năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; tiền sự: không; nhân thân: xấu; ngày 14/10/2021 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Kiên Văn B sinh ngày 01/01/1978; tại tỉnh Q.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: khmer; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiên Văn S (chết) và bà Ngô Thị K (chết); có vợ và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: xấu; ngày 25/10/2021 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

**- Bị hại:** Thầu phụ thực hiện thi công xây dựng công trình M (Công ty An H); trụ sở ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q.

+ *Người đại diện theo pháp luật*: Ông GU T, chức vụ: Giám đốc bộ phận  
 + *Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông Phùng Quốc D, sinh năm 1987; trú tại ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 10/10/2021 bị cáo Hà Thành C điện thoại cho bị cáo Kiên Văn B rủ vào Nhà máy nhiệt điện D lấy trộm nhôm về bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo B đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/10/2021 B điều khiển xe mô tô Wave, biển số 84B1-489.93 đến khu vực nhà nghỉ T thuộc ấp M, xã N để chở C vào nhà máy lấy trộm tài sản. Khi điều khiển xe qua khỏi cổng Nhà máy nhiệt điện D 2 khoảng 100m thì C và B leo rào vào trong nhà máy, đi bộ đến kho vật tư của Công ty An H thuộc ấp M, xã N. Sau đó C lấy lần lượt từng cái máng cáp điện ở trong kho chuyên qua hàng rào cho B. Khi lấy được 17 cái máng cáp điện thì C nghỉ lấy và trèo ra ngoài. Lúc này C và B lấy một xe kéo để các máng cáp lên xe rồi kéo đến trạm biến áp gần tường rào cổng vào nhà máy để chuyên ra ngoài thì bị lực lượng cửa khẩu cảng T bắt quả tang C cùng tang vật, còn B thì chạy thoát.

Theo kết luận định giá tài sản số 38 ngày 14/10/2021 của Hội đồng định giá kết luận: tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.151.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-HS ngày 03/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Hà Thành C và Kiên Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo C và B khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như bản cáo trạng đã mô tả và truy tố. Các bị cáo cũng thống nhất về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thành C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kiên Văn Bửu 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động OPPO F9, màu xanh đen, có số seri W8FEIFQWIBINIZC6, cùng hai sim Viettel: sim 1 có số 0382437520, sim 2 có số 0973407297; 01 điện thoại di động Nokia, bàn phím, model TA-1174, có IMEI: 356613728369190, IMEI 2: 356613729369199, điện thoại không có gắn thẻ sim; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAYMAN có số máy 52FMHI031191, số khung H023TH031191, biển số 84B1-489.93, hiện có gắn áo xe Wave màu đỏ.

- Các bị cáo C và B không phát biểu ý kiến tranh luận. Bị cáo C và B nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo C và B tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 01 giờ ngày 11/10/2021 các bị cáo C và B thống nhất cùng nhau đến kho vật tư của Công ty An H thuộc ấp M, xã N để lấy trộm 17 cái máng cáp điện.

[2] Bị cáo C và B là những người có năng lực trách nhiệm dân sự đầy đủ, đều nhận biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 9.151.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo C và B đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì lòng tham các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; hành vi của các bị cáo

không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và còn làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo C và B là những người có nhân thân xấu, theo đó: bị cáo C vào năm 1999 bị Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” và đến năm 2008 bị Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo B năm 2007 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Tuy nhiên các bị cáo không biết ăn năn, hối cải, tích cực lao động, sống có ích cho gia đình và xã hội, ngược lại các bị cáo lại cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Từ cơ sở phân tích trên, phải xử lý nghiêm và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy để phân công nhiệm vụ. Trong đó bị cáo C là người rủ rê bị cáo B đi trộm cắp tài sản và trực tiếp lấy trộm tài sản chuyển ra ngoài cho bị cáo B do đó bị cáo C là người có vai trò tích cực nhất. Bị cáo B không biết khuyên ngăn bị cáo C ngược lại còn đồng ý cùng nhau đi trộm cắp tài sản và dùng xe chở bị cáo C đi trộm cắp tài sản.

5] Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách hình sự; tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và trình độ học vấn thấp nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C phạm tội khi chưa được xoá án tích là trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt: Phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, vai trò, vị trí và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô 84B1-489.93 bị cáo B sử dụng làm phương tiện thực hiện trộm cắp tài sản, bị cáo C sử dụng điện thoại OPPO F9 và B sử dụng điện thoại Nokia để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo C và B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: các bị cáo Hà Thành C và Kiên Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thành C 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Hà Thành C được tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kiên Văn B 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Kiên Văn B được tính từ ngày chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động OPPO F9, màu xanh đen, có số seri W8FEIFQWIBINIZC6 cùng hai sim Viettel: sim 1 có số 0382437520, sim 2 có số 0973407297; 01 điện thoại di động Nokia, bàn phím, model TA-1174, có IMEI: 356613728369190, IMEI 2: 356613729369199, điện thoại không có gắn thẻ sim; 01 xe mô tô nhãn hiệu

WAYMAN có số máy 52FMHI031191, số khung H023TH031191, biển số 84B1-489.93, hiện có gắn áo xe Wave màu đỏ.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Hà Thành C và Kiên Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CA thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Truyền**